

TỪ TRUYỀN THỐNG NHÂN NGHĨA CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẾN TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Khánh Nguyệt
Khoa Chính trị, Tâm lý và GDTC
Email: nguyetdtk@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 27/10/2024

Ngày PB đánh giá: 28/11/2024

Ngày duyệt đăng: 28/11/2024

Tóm tắt: Di sản quý báu mà ông cha ta để lại cho các thế hệ người Việt Nam là nhân nghĩa. Đó là tình yêu thương con người, là ý thức về vai trò của quần chúng nhân dân, là tinh thần đoàn kết, yêu chuộng hòa bình, tinh thần nhân đạo của dân tộc ta. Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển truyền thống nhân nghĩa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Trong bài viết của mình, tác giả tìm hiểu mối liên hệ giữa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam với tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Qua đó khẳng định Hồ Chí Minh đã phát triển, nâng truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam lên một tầm cao mới, mang tính cách mạng, phù hợp với thời đại mới. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh đã trở thành động lực mạnh mẽ, thôi thúc mọi người dân Việt Nam sống nhân ái, hoạt động thực tiễn không mệt mỏi vì một xã hội phồn vinh, tươi đẹp.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, truyền thống nhân nghĩa, tư tưởng nhân văn.

FROM THE TRADITIONAL HUMANITARIAN ETHOS OF THE VIETNAMESE PEOPLE TO HO CHI MINH'S HUMANISTIC IDEOLOGY

Abstract: The invaluable legacy bequeathed by our ancestors to successive generations of Vietnamese is the principle of humanitarian virtue. This legacy encompasses profound human compassion, a profound consciousness of the collective populace's pivotal role, and the fundamental spirit of solidarity, peace advocacy, and humanitarian disposition characteristic of our national identity.

Ho Chi Minh adeptly inherited and significantly developed the millennia-old humanitarian tradition of the Vietnamese people. In this scholarly examination, the author explores the intricate interconnection between the Vietnamese people's traditional humanitarian ethos and Ho Chi Minh's humanistic philosophical framework. Through comprehensive analysis, the research substantiates that Ho Chi Minh elevated the traditional humanitarian principles of the Vietnamese nation to an unprecedented revolutionary dimension, which is revolutionary and suitable for the new era. Ho Chi Minh's humanistic ideology has emerged as a spiritual catalyst, motivating Vietnamese citizens to embrace compassionate living and engage in persistent practical endeavors aimed at constructing a prosperous and harmonious societal landscape.

Keywords: Ho Chi Minh, the humanitarian tradition, humanistic ideology.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là nhân nghĩa. Nhân nghĩa là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước, là nguồn gốc sức mạnh để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn gian khổ, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi cuộc xâm lăng của kẻ thù.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là sự tiếp nối truyền thống nhân nghĩa quý báu của dân tộc ta. Tư tưởng nhân văn của Người phản ánh tình yêu thương, sự quý trọng; lòng bao dung, độ lượng đối với con người và niềm tin vững chắc vào sức mạnh đoàn kết của người dân Việt Nam. Tư tưởng ấy đã trở thành ngọn đuốc soi đường cho cuộc đấu tranh của quần chúng nhân

dân lao động, để biến những lý tưởng, ước mơ, khát vọng, tốt đẹp của mình thành hiện thực.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc nghiên cứu giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung, giá trị nhân nghĩa nói riêng và tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh có ý nghĩa lý luận, thực tiễn to lớn.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nhân và nghĩa vốn là những khái niệm có tính chất chính trị và đạo đức của Nho giáo, trải qua hàng nghìn năm giao lưu văn hóa, được nhân dân ta tiếp biến, bổ sung những nội dung mới gắn

bó với thực tế đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc ta.

Nhân nghĩa là khái niệm trung tâm của tư tưởng Nho gia, đó là nguyên tắc ứng xử cơ bản trong mối quan hệ giữa con người với con người. Tiếp thu tư tưởng của Nho giáo, những giá trị nhân nghĩa của cha ông ta tiếp tục nảy nở, phát triển trong cuộc sống lao động, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam và tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là một đề tài có tính lý luận và thực tiễn cao, đã có rất nhiều hội thảo, công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế bàn về vấn đề này. Khóa họp lần thứ 24 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) diễn ra tại Paris (từ ngày 20/10 đến 20/11/1987) đã thông qua Nghị quyết, vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội thảo quốc tế “**Hồ Chí Minh toàn cầu**” được tổ chức tại thành phố New York, Mỹ, khẳng định Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhân cách của Người mang tầm ảnh hưởng toàn cầu. Đề cập đến truyền

thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam có thể kể đến công trình nghiên cứu của các nhà khoa học như: “*Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi*” của phó giáo sư, tiến sỹ Hoàng Thúc Lâm (2020); “*Nhân nghĩa trong văn hóa chính trị của Lê Thánh Tông: bài học đối với Việt Nam hiện nay*” của tiến sỹ Nguyễn Thị Phương Mai (2020); “*Một số điểm tương đồng giữa tư tưởng đạo đức của Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh*” của tiến sỹ Phan Thị Lệ Dung (2020)...

Các hội thảo, công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã tập trung phân tích tư tưởng nhân nghĩa của từng anh hùng dân tộc như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm...; giá trị tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà chưa khái quát chỉ ra mối liên hệ giữa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam với tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện bài viết này, tác giả đã sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tiến hành nghiên cứu, thu thập các dữ liệu từ các công trình khoa học, sách, báo, tạp chí liên quan đến truyền thống nhân nghĩa của dân tộc ta. Truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt

Nam có nội dung phong phú, sinh động và sâu sắc. Đó là, lòng nhân ái, coi trọng tình nghĩa, yêu thương con người; là tinh thần đoàn kết, cố kết dân tộc, nền tảng sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù; là tinh thần yêu chuộng hòa bình, tinh thần nhân đạo của dân tộc ta. Từ nội dung nhân nghĩa phong phú, sâu sắc của dân tộc Việt Nam, tác giả phân tích chỉ ra sự kế thừa, nâng lên một tầm cao mới mang tính cách mạng trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện ở tình yêu thương con người, lòng bao dung, độ lượng, niềm tin vào sức mạnh đoàn kết của quần chúng nhân dân, mà còn thể hiện ở thực tiễn hoạt động cách mạng không mệt mỏi của Người vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. *Truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam*

Truyền thống nhân nghĩa của cha ông ta được thể hiện đặc sắc trong tư tưởng của các anh hùng dân tộc như vua Trần Minh Tông, các đại thi hào dân tộc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đình Chiểu...

Thứ nhất, nhân nghĩa là lòng nhân ái, tình yêu thương con người “*thương người như thể thương thân*”, coi trọng tình nghĩa. Ngay từ buổi đầu dựng nước, do phải đương đầu và khắc phục những hiểm họa của thiên nhiên như bão lũ, hạn hán... các cư dân của dân tộc Việt đã liên kết với nhau xây dựng các công trình thủy lợi, nhằm phát triển nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Mặt khác, do thường xuyên bị giặc ngoại bang xâm lược nên người Việt Nam đã sớm có tinh thần cố kết cộng đồng. Chính điều kiện sống với thiên nhiên khắc nghiệt, chiến tranh kéo dài mà tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, cảm thông, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi gặp thiên tai, hoạn nạn... được hình thành một cách tự nhiên trong đời sống xã hội của người Việt.

Tư tưởng nhân nghĩa của ông cha ta là tư tưởng nhân nghĩa của người lao động, là sự thương yêu đồng bào, luôn biết cảm thông chia sẻ nỗi vất vả của nhân dân, của tầng lớp dưới. Đó là ý thức về vai trò của quần chúng nhân dân - những người lao động vất vả “*một nắng hai sương*”, vì vậy cần phải biết yêu thương kính trọng, biết ơn họ: “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”, “*Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày*”... Đó là lòng căm thù

giặc sâu sắc, tội ác dã man của kẻ thù, nỗi xót thương thân phận của người dân mất nước :

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Đối trời, lừa dân đủ muôn nghìn kế,

Gây binh, kết oán, trái hai mươi năm”[8; tr.80].

Tình yêu thương con người của ông cha ta còn thể hiện đối với những người có hoàn cảnh éo le, bất hạnh. Nguyễn Du đại diện cho giai cấp quý tộc phong kiến, song vượt lên trên lễ giáo phong kiến, ông có cái nhìn nhân ái, cảm thông sâu sắc thân phận của con người. Điều đó được thể hiện sinh động trong cách nhìn của ông về kiếp sống dập vùi của một người con gái tài hoa bạc mệnh. Toàn bộ cuộc đời chìm nổi của Thúy Kiều đã được thể hiện thông qua ngòi bút nhân văn của Nguyễn Du, được viết bằng chính nỗi xót xa, những giọt nước mắt quặn đau của Nguyễn Du. Đây là điều khác hẳn với quan điểm Nho giáo chính thống. Ông đã cảm thương nàng Kiều bằng chính tư tưởng nhân nghĩa của người Việt.

Với nhân dân ta, nhân nghĩa là yêu thương đồng bào, quan tâm đến

đồng loại (“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”). Nhân theo quan niệm của dân tộc ta là yêu thương đồng bào, rộng ra là yêu thương đồng loại. Nhân nghĩa là phải gắn bó với nhân dân, thực sự coi dân là gốc của đất nước. Nhân nghĩa là phải cứu nước, cứu dân, tận tâm phục vụ nhân dân. Muốn cứu nước, cứu dân trước hết phải diệt trừ lũ hung tàn, dùng bạo lực của chính nghĩa để đập tan bạo lực phi nghĩa.

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”

[8; tr.81].

Thứ hai, nhân nghĩa là tinh thần đoàn kết, cố kết dân tộc, nền tảng sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

Truyền thống nhân nghĩa của dân tộc ta được thể hiện ở tinh thần đoàn kết cộng đồng dân tộc vốn có từ thời Văn Lang, Âu Lạc, tư tưởng hướng về cội nguồn “*Con Lạc, Cháu Hồng*”. Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó với cộng đồng “một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”, “bán anh em xa, mua láng giềng gần”... Ngay vua Trần Minh Tông đã coi muôn dân đều là anh em của mình, đều cùng một cội nguồn. Trong bài thơ “*Nghệ An hành điện*”, vua Trần Minh Tông đã viết:

“*Sinh dân nhất thị ngã bào đồng,
Tứ hải hà tâm sử khôn cùng*” [9].

(Hết thầy sinh dân đều là anh em cùng một bọc mẹ của ta, nữ lòng nào để cho bốn bể phải khôn cùng).

Trước sức mạnh xâm lăng nước ta lần thứ hai của quân Nguyên Mông, vua quan nhà Trần nhận thức được quân giặc rất mạnh, muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân. Vì vậy, Trần Quốc Tuấn đã viết *Hịch tướng sĩ* để kêu gọi tướng sĩ đồng lòng nhất trí, quyết tâm đánh giặc ngoại xâm. *Hịch tướng sĩ* không chỉ thể hiện lòng căm thù giặc sâu sắc, mà còn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn và ý chí sắt đá, quyết chiến của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Chính tư tưởng nhân nghĩa, tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau, tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết keo sơn cộng đồng là nguồn cội sức mạnh vô địch của dân tộc ta, giúp nhân dân ta chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù hung tàn trong trường kỳ lịch sử.

Thứ ba, nhân nghĩa thể hiện ở tinh thần nhân đạo, yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng nhân nghĩa của dân tộc ta còn bao hàm đức “hiếu sinh”, ý thức

hướng thiện, yêu chuộng hoà bình. Trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn đất nước, dù trước đó kẻ thù đã gây bao tội ác dã man cho nhân dân, nhưng khi kẻ thù bị thất bại, cha ông ta luôn coi trọng tình hòa hiếu, tỏ thái độ khoan hồng độ lượng, đối xử nhân đạo với tù binh. Cha ông ta không đuổi cùng giết tận, mà còn mở “đường hiếu sinh”, cấp lương thực thực phẩm, cấp thuyền, phát ngựa, cho họ trở về nước; thậm chí đưa ra phương kế hoà bình, giúp kẻ thù rút lui trong danh dự để kết thúc chiến tranh, để dân ta được “nghỉ sức” trong thanh bình:

“Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới” [8; tr.82].

Đây là cách ứng xử vừa nhân đạo, vừa khôn khéo, thể hiện truyền thống nhân văn, nhân đạo, chuộng hòa bình của nhân dân ta. Với phương châm “thêm bạn, bớt thù”, ông cha ta muốn duy trì quan hệ ngoại giao hòa hảo sau chiến tranh, đồng thời tạo điều kiện để quân ta nghỉ ngơi, dưỡng sức, phục hồi đất nước, để muôn dân có cuộc sống phồn vinh, tươi đẹp. Với ý nghĩa đó, trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt

Nam luôn phát huy truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết dân tộc, yêu chuộng hòa bình.

3.2. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là một trong những di sản tinh thần vô giá của nhân dân Việt Nam, định hướng cho nhận thức và hành động của mọi người dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Bàn về tư tưởng nhân văn - đạo đức Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh khẳng định đó là “sự kết tinh truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam cộng với đạo đức cộng sản chủ nghĩa của giai cấp công nhân, giai cấp triệt để cách mạng của thời đại, có sứ mệnh lịch sử cải tạo thế giới, thiết lập xã hội cộng sản chủ nghĩa trên hành tinh chúng ta” [1].

Trước hết, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thể hiện ở tình yêu sâu đậm đất nước và con người Việt Nam. Ngay từ những ngày còn trẻ, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành hết sức cảm thông với nỗi thống khổ của nhân dân lao động đang sống dưới ách thống trị của bọn thực dân đế quốc. Thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa của dân tộc là phải cứu nước, cứu dân, Hồ Chí Minh đã quyết tâm ra đi tìm một con đường mới để giải phóng dân tộc,

cứu nhân dân khỏi cảnh lầm than, cơ cực. Sau này, ở cương vị Chủ tịch nước với bận bịu công việc, Người vẫn không ngừng quan tâm chăm lo cho cuộc sống của nhân dân, đặc biệt đối với người dân lao động.

Tiếp thu truyền thống nhân ái Việt Nam “thương người như thể thương thân”, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và được giác ngộ, thì lòng yêu thương con người của Bác đã trở thành một tình cảm sâu sắc, rộng lớn. Chứng kiến cuộc sống cơ cực của những người nông dân “một nắng hai sương”, bị áp bức bóc lột nặng nề, sưu cao thuế nặng, Người cảm thông và chia sẻ:

*“Thân người chẳng khác thân trâu
Cái phần no ấm có đâu đến mình”*
[3; tr.201].

Với những công nhân Việt Nam bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột, Hồ Chí Minh xót xa, đồng cảm:

*“Mà mình quần rách áo xơ
Tiền công thì bớt, mà giờ thì thêm
Lại còn đánh chửi tàn phiền
Cúp lương tháng trước, phạt tiền
hôm qua”* [3; tr.204].

Hồ Chí Minh luôn cảm thương, thấu hiểu hoàn cảnh khó khăn, gian khổ của mọi người. Bác thương từ em nhỏ

phải “theo mẹ đến ở nhà pha”, thương người phu làm đường (“phu đường vất vả lắm ai ơi”), cả đêm “Bác không ngủ” vì “thương đoàn dân công” đang phải chịu mưa rét ngoài rừng, thương những người chiến sĩ đang phải canh gác ngoài biên giới, hải đảo xa xôi, “Bác thương các cụ già”, “thương đàn cháu nhỏ”, quan tâm đến việc giải phóng phụ nữ bởi vì họ là những người phải chịu nhiều bất công trong xã hội cũ... Trái tim nhân hậu của Người luôn hướng về miền Nam, nơi đó cuộc chiến tranh ác liệt chưa kết thúc, máu của đồng bào vẫn chưa ngừng chảy. Người nói, “miền Nam luôn ở trong trái tim tôi”. Tình yêu thương đất nước và con người Việt Nam vẫn luôn thường trực trong Bác, cho đến tận lúc “đi xa”, Người vẫn còn “để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”.

Ở Hồ Chí Minh, tình yêu thương con người đã vượt khỏi biên giới quốc gia, hòa quyện với tình yêu thương nhân loại bị áp bức bóc lột, không có sự phân biệt màu da, dân tộc, biên giới, “bốn phương vô sản đều là anh em”. Người khái quát: “*Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống*

người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: Tình hữu ái vô sản”[2; tr.147].

Trong suốt chiều dài lịch sử, nhân dân ta một mặt coi trọng làm việc thiện, mặt khác hướng vào chống cái ác. Tiếp thu truyền thống dân tộc, với thế giới quan, phương pháp luận mác xít, Hồ Chí Minh không chỉ yêu thương người lao động nghèo khổ, mà còn căm ghét, lên án những kẻ xâm lược, lũ bán nước hại dân. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nguyên nhân trực tiếp làm cho nhân dân lao động phải chịu nhiều nỗi thống khổ đó là do đế quốc, thực dân và bọn tay sai phản động. Vạch trần bản chất xấu xa “ăn cướp và giết người” của chủ nghĩa thực dân đế quốc, Hồ Chí Minh khẳng định chúng là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Người kêu gọi mọi người phải thường xuyên cảnh giác, luôn luôn đoàn kết để chiến đấu chống kẻ thù chung.

Người “chỉ có một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”[4; tr.187]. Mong muốn ấy đã thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước,

cứu dân. Khi thời cơ cách mạng đã chín muồi, Người cùng với toàn Đảng quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta tổng khởi nghĩa, giành chính quyền, lựa chọn con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để không phải thực hiện nhiều cuộc cách mạng, dân chúng không phải hy sinh nhiều lần, để dân sớm được hạnh phúc. Sau cách mạng tháng Tám, phát huy truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, phong trào “Hũ gạo cứu đói” và trách nhiệm nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với những biện pháp tích cực của Chính phủ nạn đói năm 1945 bị đẩy lùi.

Đứng trước âm mưu cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, để tránh cuộc chiến tranh, giữ hòa bình cho cả hai dân tộc, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng chủ động đàm phán với Pháp, rồi ký Hiệp định sơ bộ (6/3/1946), sau đó ký Tạm ước (14/9/1946)...

Như vậy, tình yêu thương con người của Hồ Chí Minh được biểu hiện thành hành động cách mạng, với khát vọng người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người nhấn mạnh: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh

phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”[4; tr.64].

Thứ hai, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thể hiện ở niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân; sự đoàn kết gắn bó giúp đỡ lẫn nhau trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Kế thừa truyền thống của dân tộc, của các anh hùng kiệt xuất như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi biết dựa vào sức mạnh của nhân dân “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc”, đồng thời, tiếp thu tư tưởng nhân văn “quần chúng là lực lượng làm nên lịch sử” của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng nhân văn mới, tin tưởng mãnh liệt vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. Đối với Người “*nhân, nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Khi sức dân được huy động, được tổ chức, được tập hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng thì thành vô địch*”[6; tr.276]. Hồ Chí Minh luôn đề cao những phẩm giá tốt đẹp của con người, đó là những phẩm chất đạo đức: cần kiệm, liêm, chính, trung, hiếu, tín, nghĩa. Trong suy nghĩ của Người, thế hệ trẻ có một vị trí đặc biệt quan trọng “nước nhà

thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên”.

Điểm đặc sắc trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là niềm tin vào khả năng hướng thiện của con người. Người cho rằng đồng bào, đồng chí mắc khuyết điểm, sai lầm thì nhân từ độ lượng giúp họ khắc phục thiếu sót. Người nói: *“Mỗi con người đều có thiện và có ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản bội Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác chứ không phải đập cho tơi bời”*[7; tr.558].

Phát huy sức mạnh nhân nghĩa của ông cha, Người thường xuyên quan tâm tới việc củng cố và phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc. Nhận thức được sức mạnh to lớn của đoàn kết, Người nêu khẩu hiệu: *“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”*. Để phát huy sức mạnh nội sinh, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng toàn dân tộc thành một khối đoàn kết thống nhất chặt chẽ và lâu dài. Trong *Di chúc*

thiên liêng và bất hủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn gửi: *“Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”*.

Kết hợp sức mạnh nội sinh với sức mạnh ngoại sinh để chiến thắng mọi kẻ thù, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cần gắn kết đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế. Thông qua những tác phẩm, những bài viết, bài phát biểu của mình, Hồ Chí Minh đã làm cho giai cấp công nhân ở tất cả các nước thuộc địa nhận thức được rằng họ đều có kẻ thù chung và chỉ có đoàn kết chặt chẽ thì sự nghiệp đấu tranh mới giành được thắng lợi. Với tinh thần *“bốn phương vô sản đều là anh em”*, Hồ Chí Minh luôn chú ý xây dựng khối đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản và nhân dân chính quốc với nhân dân các nước thuộc địa. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế, đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Thứ ba, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở lòng bao dung, độ lượng. Kế thừa truyền thống của ông cha ta luôn coi trọng tình hòa hiếu, đối xử khoan hồng độ lượng,

nhân đạo với tù binh; tiếp thu giá trị nhân đạo của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh có tư tưởng khoan dung đối với tất cả mọi người, kể cả người làm đường lạc lối biết hối cải. Theo Hồ Chí Minh ai cũng có ưu điểm khuyết điểm, có mặt tốt, mặt xấu. “*Ai cũng có lòng yêu nước, chẳng qua có lúc vì lợi nhỏ mà quên nghĩa lớn. Nói lẽ phải họ tự nghe*”[5; tr.471]. Điểm đặc sắc trong tư tưởng khoan dung của Hồ Chí Minh thể hiện ở cách đối nhân xử thế với từng đối tượng con người. Với chiến sĩ, đồng bào, khi giải quyết công việc phải trên tinh thần nhân ái, bao dung; để giúp đỡ những người mắc phải khuyết điểm trở thành người tốt, cần phải giáo dục thuyết phục họ; khi phê bình đồng chí, anh em bạn bè thì phải thân ái, chân thành, giúp đỡ nhau cùng phát triển; với những người làm đường lạc lối cần dành cho họ sự cảm thông và đối xử nhân đạo “đánh kẻ chạy đi, không đánh kẻ chạy lại”. Ngay đối với *tù binh, hàng binh*, tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của dân tộc ta, Người nhắc nhở phải đối đãi khoan hồng với họ, để cho thế giới hiểu rằng: “*Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn*

minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước”[5; tr. 29-30].

Tấm lòng bao dung nhân hậu của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ sẵn sàng đón nhận những trí thức, viên chức của chính quyền cũ tham gia bộ máy nhà nước Việt Nam mới. Bằng sự khoan dung, lòng nhân ái, Hồ Chí Minh đã cảm hóa, lôi kéo, đoàn kết mọi con dân nước Việt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. KẾT LUẬN

Truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam được thể hiện sinh động ở lòng nhân ái, coi trọng tình nghĩa, yêu thương con người, tinh thần đoàn kết, cố kết dân tộc, tinh thần nhân đạo yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta. Truyền thống ấy không ngừng được các thế hệ người Việt kế thừa, phát triển trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đỉnh cao của sự phát triển truyền thống quý báu ấy là tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thể hiện ở tình yêu thương con người, lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tin tưởng vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; ở khát vọng cháy bỏng mong muốn hòa bình để quần chúng nhân dân lao động trong và ngoài nước

đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tư tưởng ấy đã trở thành động lực mạnh mẽ, thôi thúc Người hoạt động cách mạng không mệt mỏi vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, mỗi người dân Việt Nam cần hiện thực hóa tư tưởng nhân văn của Người bằng những hành động thiết thực để đất nước Việt Nam ngày càng vững mạnh, văn minh hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh (6-1980), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và thời đại*, Tạp chí Cộng sản.

2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh (2013), *Toàn tập*, tập 3, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh (2013), *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Hồ Chí Minh (1986), *Toàn tập*, tập 6, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

7. Hồ Chí Minh (2013), *Toàn tập*, tập 12, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, “Bình Ngô đại cáo”, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Thơ văn Lý Trần (1988), tập II, Nhà xuất bản khoa học xã hội.